

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 28-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh năm 2001 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thoại Hương, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Mơ; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2024 cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Láng Me 2, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

2. Ông Phạm Minh T, sinh năm 2004; nơi cư trú: ấp Láng Me 2, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15 tháng 11 năm 2024, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xám đen biển số 60B6-817.16 chở theo Phạm Ngọc T đi từ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến Công ty Way Text thuộc Khu công nghiệp Bầu Bàng khi đi đến tuyến đường NC thuộc khu phố Đồng Sổ, thị trấn Lai Uyên,

huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông huyện Bàu Bàng yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra lực lượng phát hiện Trọng cất giấu tại túi quần bên trái một gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng nghi ngờ là ma túy. Ngoài ra lực lượng còn phát hiện trong túi quần bên phải của Trọng có một vỏ thủy tinh bên trong chứa chất màu nâu đen lực lượng đã tiến hành niêm phong và thu giữ toàn bộ đồ vật trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng nghi ngờ là ma túy, 01 vỏ thủy tinh bên trong chứa chất màu nâu đen;

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 1355 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an huyện Bàu Bàng tiến hành giám định đối với chất tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Ngọc T. Ngày 22 tháng 11 năm 2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành kết luận giám định số 5046/KL – KTMT thể hiện: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,3048gam. Mẫu hoàn lại sau giám định là 0,2483 gam ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra Trọng khai nhận số ma túy trên Trọng mua của một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) ở khu vực ngã ba Suối Cát thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Trọng thường đến khu vực trên chờ khoảng mười phút thì có một nam thanh niên tới hỏi lấy đồ gì sau đó nói số lượng ma túy cần mua rồi đưa tiền cho nam thanh niên rồi đợi một lúc sẽ có người tới giao ma túy. Bằng hình thức mua trên Trọng đã mua được hai lần ma túy của người này lần đầu khoảng tháng 09 năm 2024 và lần sau là vào ngày 15 tháng 11 năm 2024. Mục đích Trọng mua ma túy là để sử dụng, bộ dụng cụ mà bị cáo mang theo là của bị cáo tuy nhiên chưa sử dụng thì bị lực lượng tuần tra phát hiện bắt giữ.

Đối với đối tượng nam thanh niên chưa rõ nhân thân lai lịch bán ma túy cho bị cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng vẫn tiếp tục điều tra xác minh làm rõ khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Phạm Văn T là nhân viên của công ty bảo vệ Lê Long, ngày 15 tháng 11 năm 2024 là lần đầu T T được gặp Trọng. Ông T được công ty cử đi đón Trọng và chở Trọng vào khu vực thử việc tại Công ty Way Text thuộc khu công nghiệp Bàu Bàng. Việc Trọng tàng trữ số ma túy trên để sử dụng ông T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiến hành xử lý với ông T là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển số 60B6-817.16 là tài sản của ông Phạm Minh T là em trai của ông T. T cho T xe mô tô trên tuy nhiên không làm giấy tờ tặng cho ông T sử dụng xe mô tô trên từ đó tới nay việc T chở Trọng nhưng không biết Trọng tàng trữ ma túy nên lực lượng giao thông không lập biên bản thu giữ với xe mô tô trên.

Quá trình điều tra, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 25/CTVKSBĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa chất bám dính màu nâu đen; 01 bì thư được niêm phong ghi số 5406/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số 1355 ngày 15/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương). Có chữ ký hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Phạm Ngọc T (người chứng kiến); Nguyễn Hoàng Ân (bên trả mẫu); Nguyễn Công Trường (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Khối lượng mẫu niêm phong: M= 0,2483g ma túy loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ăn năn và hối hận, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật để bị cáo có cơ hội sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trọng đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, bị cáo tàng trữ ma túy trong túi quần có trọng lượng 0,3048 gam loại Methamphetamine mục đích để sử dụng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Đồng thời, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây hệ quả xấu cho con người, là nguyên nhân gây ra các căn bệnh xã hội và

các loại tội phạm khác. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái quy định của pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Mẫu hoàn lại sau giám định là 0,2483 gam ma túy loại Methamphetamine và 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa chất màu nâu đen là vật cấm tàng trữ, lưu hành không có giá trị sử dụng được nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy theo quy định.

[6] Đối với các đối tượng bán ma túy cho bị cáo đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Ngọc T.

Các Điều 106, 292, 293, 299 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa chất bám dính màu nâu đen; 01 bì thư được niêm phong ghi số 5406/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số 1355 ngày 15/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương). Có chữ ký hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Phạm Ngọc T (người chứng kiến); Nguyễn Hoàng Ân (bên trả mẫu); Nguyễn Công Trường (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Khối lượng mẫu niêm phong: M= 0,2483g ma túy loại Methamphetamine.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Đăng công thông tin điện tử TA (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa